

Bản án số: **17** /HNGĐ-ST

Ngày: 21/6/2022

V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CAM LÂM,
TỈNH KHÁNH HÒA**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Minh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Mai Thị Thu Trang

Ông Châu Ngọc Thạch

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Huệ – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm.

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm tham gia phiên tòa:

Bà Trương Thị Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 105/2022/TLST-HNGĐ ngày 06/5/2022 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 15/2022/QĐXX-ST ngày 09 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: Ông Võ Tấn Q Sinh năm 1988

Địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, Khánh Hoà.

Có đơn xin vắng mặt

* Bị đơn: Bà Lê Thị Kim A Sinh năm 1987

Địa chỉ: Thôn Tân Phú, xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm, Khánh Hoà.

Có đơn xin vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các tài liệu, chứng cứ có trong hồ, lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Võ Tấn Q trình bày:

Ông và bà Lê Thị Kim A tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh K (Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2014, quyển số 01/2013, ngày 16/5/2014). Trong quá trình chung sống từ năm 2014 đến nay, ông và bà Kim A cảm thấy không hợp và quyết định ly hôn. Vì vậy, ông đề nghị Tòa giải quyết cho ông được ly hôn với bà Lê Thị Kim A.

Về con chung: Ông và bà Lê Thị Kim A có 02 con chung là Võ Lê Thuỳ T, sinh ngày 30/6/2015 và Võ Đăng K, sinh ngày 21/12/2016. Sau khi ly hôn ông đồng ý giao 02 con chung cho bà Lê Thị Kim A trực tiếp nuôi dưỡng và ông đồng ý cấp

dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), kể từ khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông và bà Kim A tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn – bà Lê Thị Kim A trình bày: Bà hoàn toàn thống nhất với lời trình bày của ông Võ Tấn Q về thời gian, điều kiện kết hôn cũng như mâu thuẫn gia đình. Vì vậy, ông Võ Tấn Q xin ly hôn, bà đồng ý ly hôn. Về con chung: có 02 con chung là Võ Lê Thuỳ T, sinh ngày 30/6/2015 và Võ Đăng K, sinh ngày 21/12/2016. Sau khi ly hôn bà đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và ông Q cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), kể từ khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông bà tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cam Lâm, tỉnh Khánh Hòa phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Nhận thấy quan hệ hôn nhân giữa ông Võ Tấn Q và bà Lê Thị Kim A không thể tiếp tục duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, ông Võ Tấn Q được ly hôn với bà Lê Thị Kim A. Về con chung: Giao 02 con chung là Võ Lê Thuỳ T, sinh ngày 30/6/2015 và Võ Đăng K, sinh ngày 21/12/2016 cho bà Lê Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng; Ông Võ Tấn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), kể từ khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Tài sản chung, nợ chung đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông Võ Tấn Q phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Ông Võ Tấn Q khởi kiện yêu cầu được ly hôn, quyền nuôi con sau khi ly hôn đối với bà Lê Thị Kim A, bà A có nơi cư trú tại Thôn T, xã B, huyện C, tỉnh K, do đó thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh K theo quy định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Võ Tấn Q và bà Lê Thị Kim A đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt

đối với các đương sự.

[2] Ông Võ Tấn Q và bà Lê Thị Kim A tự nguyện kết hôn với nhau từ năm 2014, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện C, tỉnh K (Giấy chứng nhận kết hôn số 53/2014, quyền số 01/2013, ngày 16/5/2014) nên đây là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8 và Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Hội đồng xét xử nhận thấy: Trong quá trình giải quyết vụ án, ông Võ Tấn Q và bà Lê Thị Kim A đều thừa nhận giữa hai vợ chồng có mâu thuẫn, không hợp nhau, không thể chung sống với nhau được nữa. Ông Võ Tấn Q xin ly hôn và bà Lê Thị Kim A đồng ý ly hôn, nên Tòa án chấp nhận là có căn cứ, phù hợp với khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về con chung: Ông Võ Tấn Q và bà Lê Thị Kim A có 02 con chung là Võ Lê Thuỳ T, sinh ngày 30/6/2015 và Võ Đăng K, sinh ngày 21/12/2016. Bà Lê Thị Kim A có nguyện vọng được trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng cả 02 con chung, và ông Võ Tấn Q cũng đồng ý nên giao 02 con chung cho bà Lê Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm sóc, giáo dục và nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Võ Tấn Q tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), kể từ khi ly hôn đến khi các con chung đủ 18 tuổi. Bà Lê Thị Kim A đồng ý nên Tòa án ghi nhận.

[6] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Ông Võ Tấn Q phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 228, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, ông Võ Tấn Q.

* *Về quan hệ hôn nhân:* Ông Võ Tấn Q được ly hôn bà Lê Thị Kim A.

* *Về con chung:* Giao 02 con chung là Võ Lê Thuỳ T, sinh ngày 30/6/2015 và Võ Đăng K, sinh ngày 21/12/2016 cho bà Lê Thị Kim A trực tiếp trông nom, chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Ông Võ Tấn Q có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 con chung mỗi tháng 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng), kể từ khi ly hôn (7/2022) đến khi các con chung đủ 18 tuổi.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5, Điều 84 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014 thì Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

* *Về tài sản chung, nợ chung*: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* *Về án phí*: Ông Võ Tấn Q phải nộp 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2021/0009127 ngày 28/4/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cam Lâm. Như vậy, ông Q còn phải nộp 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

* *Về quyền kháng cáo*: Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa xét xử lại theo trình tự phúc thẩm.

Quy định: Trường hợp bên có nghĩa vụ chậm trả tiền thì bên đó phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả được xác định theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND huyện Cam Lâm;
- Chi cục THADS huyện cam Lâm;
- UBND xã Cam Thành Bắc, huyện Cam Lâm;
- Các đương sự;
- Lưu án văn + hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Minh